

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2017

Về việc tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH CÀ MAU**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tăng Thiện Tính.

2. Ông Lê Xuân Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Văn Lợi là thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2017/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Dương Minh C, sinh năm: 1970 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Cà Mau.

- ***Bị đơn:*** Bà Trà Thị Mỹ D, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Cà Mau.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện N.

Địa chỉ: khóm 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Ông Trà Văn H.

Ông Huỳnh Văn T.

Bà Trà A.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Cà Mau.

Ông Dương Minh H.

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 21 tháng 7 năm 2017 và biên bản hòa giải ngày 16 tháng 8 năm 2017 nguyên đơn Dương Minh C trình bày:

Ông C và bà D kết hôn vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi, đánh nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông C yêu cầu được ly hôn với bà D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông C và bà D có ba người con chung tên: Dương Bích N sinh ngày 04/5/2000, Dương Hoài T sinh ngày 20/4/2004, Dương Thị Mỹ D sinh ngày 20/3/2008, sau khi ly hôn các con có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi, người không nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trước đây tôi có yêu cầu giải quyết nợ chung, nay tôi xin để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn bà Trà Thị Mỹ D: Về thời gian đăng ký kết hôn như ông C trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, ông C thường hay đánh đập vợ con, tiền bạc gia đình ông C quản lý hết không đưa vợ con. Nay ông C yêu cầu ly hôn bà D đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống với nhau bà D và ông C có 03 người con chung tên, tuổi như ông C trình bày là đúng. Hiện nay các con đang sống với bà D, sau khi ly hôn bà D có nguyện vọng nuôi 03 người con và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trà Văn H: Ông H có mua tôm giống thả vuông dùm ông C với số tiền là 16.000.000 đồng, ông H sẽ thương lượng cách trả với ông C nếu không thỏa thuận được ông H sẽ yêu cầu khởi kiện đến Tòa án sau.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trà A: Bà A có mượn tiền dùm ông C với số tiền gốc là 25.000.000 đồng, lãi suất là 12.375.000 đồng, và tiền mua tôm giống thả dùm ông C là 5.000.000 đồng. Tổng cộng ông C thiếu bà A số tiền là 42.375.000 đồng. Số tiền này bà A sẽ thỏa thuận việc trả nợ với ông C, nếu không thỏa thuận được bà A yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Tại đơn yêu cầu ngày 10/8/2017 ông Dương Minh H trình bày: Ông H có cho con là ông C và bà D mượn phần đất vuông ở ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Cà Mau để làm ăn sinh sống với giá thỏa thuận là 40.000.000 đồng/năm. Năm 2013 đến năm 2015 ông C

và bà D chưa thanh toán hiện còn nợ lại ông H 80.000.000 đồng. Ngoài ra ông H còn đứng vay cùng ông C với bà D tiền Ngân hàng 90.000.000 đồng. Tổng cộng hai khoảng ông C với bà D nợ ông H 170.000.000 đồng. Ông H yêu cầu ông C với bà D có nghĩa vụ trả lại số tiền trên. Tại đơn xin rút lại đơn khởi kiện ngày 22/8/2017 ông H xin rút lại hai khoảng nợ mà ông C với bà D nợ ông H với số tiền 170.000.000 đồng để ông H tự thương lượng với ông C và bà D. Ông H xin được xét xử vắng mặt.

Tại bản tự ngày 22/8/2017 ông Huỳnh Văn T trình bày: Ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và hòa giải ông xác định ông C với bà D có nợ ông T 15.000.000 đồng. Nay ông T đề tự thỏa thuận việc trả nợ với ông C và bà D, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T xin được hòa giải, xét xử vắng mặt.

Tại công văn số 35/TB-NHNN-CN ngày 14/8/2017, Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp huyện N trình bày: Vào ngày 13/8/2015 ông Dương Minh H cùng vợ là bà Huỳnh Thị K đã thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn Ngân hàng với số tiền là 90.000.000 đồng, lãi suất 7%/năm. Đến nay đã quá hạn trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Theo hồ sơ vay vốn thể hiện ông Dương Minh H và bà Huỳnh Thị K là cha mẹ của ông C đứng vay, không phải ông C với bà D đứng vay nên Ngân hàng thông báo đến Tòa án biết để thuận lợi cho việc xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày: Về hôn nhân vẫn bảo lưu quan điểm xin được ly hôn với bà D. Về con thống nhất giao 03 người con cho bà D nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con. Ông C đồng ý cấp dưỡng mỗi người con là 650.000 đồng cho đến khi các con của ông C và bà D đủ 18 tuổi. Về tài sản, nợ thu, nợ trả vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà D vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà A, ông H, ông Dương Minh H, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật dân sự xét xử vắng mặt bà D, bà A, ông H, ông Dương Minh H tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Ông Dương Minh C và bà Trà Thị Mỹ D kết hôn với nhau năm 1999, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, ông C xác định vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xảy ra cự cãi nên không có hạnh phúc do đó ông C yêu cầu ly hôn với bà D. Đối với bà D cũng thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng ông C không quan tâm vợ con, thường quản lý tiền bạc không đưa bà. Nay ông C yêu cầu ly hôn bà D đồng ý. Tuy nhiên, do ông C và bà D hôn nhân không có đăng ký kết hôn theo luật định. Căn cứ vào khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì giữa

ông C và bà D không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng nên không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông C và bà D có 03 người con chung tên: Dương Bích N sinh ngày 04/5/2000, Dương Hoài T sinh ngày 20/4/2004, Dương Thị Mỹ D sinh ngày 20/3/2008. Xét thấy, hiện nay các con ông C và bà D đã hơn 07 tuổi, các cháu đang sống với bà D và có nguyện vọng theo bà D. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần tiếp tục giao cho bà D nuôi dưỡng là phù hợp. Để đảm bảo cho việc nuôi con của bà D cho các cháu phát triển một cách bình thường, ông C không là người trực tiếp nuôi con nên ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 người con theo quy định của pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp nên yêu cầu cấp dưỡng của bà D cho 03 người con được chấp nhận.

Ông Dương Minh C có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con theo quy định của pháp luật nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con để cản trở việc nuôi con của bà D.

[4] Về phân tài sản chung, nợ thu nợ trả: Ông C và bà D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Đối với khoảng nợ ông C và bà D nợ ông Trà Văn H 16.000.000 đồng, nợ bà Trà A là 42.375.000 đồng, nợ ông Dương Minh H tiền mượn vuông 02 năm 80.000.000 đồng, tiền ngân hàng vay dùm 90.000.000 đồng. Tổng cộng 170.000.000 đồng, nợ ông Huỳnh Văn T số tiền 15.000.000 đồng. Các khoản nợ này ông H, bà A, ông Dương Minh H, ông T tự thỏa thuận với ông C và bà D cách trả nợ không yêu cầu nên Tòa án cũng không xem xét. Đối với khoảng nợ ngân hàng nông nghiệp huyện N Ngân hàng xác định ông C, bà D không liên quan, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: áp dụng khoản điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông C phải nộp là: 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con ông Dương Minh C phải chịu là 300.000 đồng. Phần dự nộp của ông C được đối trừ. Phần còn thiếu ông C tiếp tục nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật dân sự xét xử vắng mặt bà D, bà A, ông H, ông Dương Minh H, ông T, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện N tại phiên tòa.

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Dương Minh C với bà Trà Thị Mỹ D là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con tên Dương Bích N sinh ngày 04/5/2000, Dương Hoài T sinh ngày 20/4/2004, Dương Thị Mỹ D sinh ngày 20/3/2008 cho bà Trà Thị Mỹ D nuôi dưỡng. Ông Dương Minh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con là 650.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu N, cháu T và cháu D đủ 18 tuổi.

Ông Dương Minh C có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con theo quy định của pháp luật nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con để cản trở việc nuôi con của bà Trà Thị Mỹ D.

- Về tài sản, nợ thu, nợ trả: Ông Dương Minh C và bà Trà Thị Mỹ D tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Ông Dương Minh C phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng. Phần dự nộp của ông Dương Minh C 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013756 ngày 21 tháng 7 năm 2017 được đối trừ. Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Dương Minh C phải chịu là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKS nhân dân huyện H;
- Chi cục THA dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Minh Khánh

